

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 17-5-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

2. Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng,
tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
451/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2019/QĐXX - ST ngày 03 tháng 5
năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phùng Thị H; sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Lê Văn K; sinh năm 1982

Địa chỉ tại: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn
chị Phùng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Lê Văn K tự nguyện tìm
hiếu và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2005 và đến năm 2011 có đăng ký
kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, nguyên nhân của việc đăng
ký kết hôn muộn do không hiểu biết pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng

bình thường, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, anh K rượu chè, cò bạc về đánh đập chị H vô cớ, tình cảm ngày càng rạn nứt dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị H và anh K đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh K 01 người con chung họ tên là Lê Anh T; sinh ngày 18/7/2007. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cháu T cho anh K nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc đăng ký kết hôn của UBND xã Đức Liễu năm 2011; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 01 bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Lê Văn K trình bày trong các bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh K thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tình cảm, bất đồng kinh tế trong cuộc sống hàng ngày, tới tháng 5 năm 2018 thì anh K phát hiện chị H ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị H bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc chồng con, anh K không thừa nhận việc đánh đập và không lo làm ăn như chị H trình bày vì anh K vẫn đi làm rầy và do làm rầy thường xuyên vắng mặt ở nhà nên chị H đi ngoại tình, việc anh cò bạc như chị H trình bày là sai, anh chỉ đánh bài vui với mọi người nên chị H kiếm cớ gây chuyện nên làm đơn ly hôn. Anh K mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái trong gia đình.

Về con chung: Anh và chị H có 01 người con chung như chị H trình bày, nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không cần chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của bà L số tiền 7.000.000đ; Vay ông B số tiền 3.000.000đ; Vay của ông Đ số tiền 100.000.000đ; Vay của ông H số tiền 10.000.000đ; Vay của Ngân hàng chính sách số tiền 12.000.000đ, ông yêu cầu chia đôi khoản nợ cho mỗi người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Về con chung: giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung do anh K và chị H không yêu cầu nên cần tách yêu cầu giải quyết nợ chung thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn nộp:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân
- Giấy kết hôn (bản gốc)

Bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Điều thừa nhận thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn.
- Tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Phùng Thị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 05/7/2011 đã được chị H giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị H và anh Lê Văn K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị H khai quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát vì vậy hạnh phúc không có, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh K cho rằng vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tình cảm, bất đồng kinh tế hàng ngày, chị H ngoại tình không chăm sóc chồng con và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh K và chị H có mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, thời gian sống ly thân kéo dài làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K mong muốn đoàn tụ gia đình tuy nhiên chị H cưỡng quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân kéo dài. **Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của anh Hữu.**

[2] Về con chung: Có 01 người con chung họ tên là Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2007. Anh K có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và chị H cũng đồng ý

giao cháu T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự: Giao cháu Lê Anh T sinh ngày 18/7/2007 cho anh Lê Văn K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Anh T mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi nên cần ghi nhận, về phương thức cấp dưỡng là hàng tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm(17/5/2019).

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị H khai trong quá trình chung sống chị H và anh K không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K khai trong quá trình chung sống chị H và anh K có nợ chung, tuy nhiên Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh K cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh và làm đơn yêu cầu phản tố đối với các khoản nợ này nhưng anh K không cung cấp chứng cứ và cũng không làm đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy: Tài sản chung giữa anh K và chị H thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này và số nợ chung như anh K khai tại Tòa án nhưng anh K không làm đơn yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét các khoản nợ trong vụ án này mà tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định và phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H về việc ly hôn. Chị Phùng Thị H được ly hôn với anh Lê Văn K.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 18/7/2007 cho anh Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm(17/5/2019).

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tách yêu cầu giải quyết các khoản nợ chung thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022462 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Án phí cấp dưỡng chị Hương còn phải nộp 300.000đ.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Duy Học